

**Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu –
Nước Giải Khát Sài Gòn**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2016



Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn

NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	12 - 61

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn

THÔNG TIN CHUNG

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”) được thành lập dưới hình thức Tổng Công ty Nhà nước theo Quyết định số 74/2003/QĐ-BCN do Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) ban hành ngày 6 tháng 5 năm 2003 trên cơ sở tổ chức lại Công ty Bia Sài Gòn và chuyển các đơn vị: Công ty Rượu Bình Tây, Công ty Nước Giải khát Chương Dương và Công ty Thủy tinh Phú Thọ thành các đơn vị thành viên của Tổng Công ty. Vào ngày 11 tháng 5 năm 2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 37/2004/QĐ-BCN tái cơ cấu lại Tổng Công ty theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Hoạt động của Tổng Công ty được cấp phép theo Giấy phép kinh doanh số 4106000286 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 9 năm 2006.

Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1862/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng chính phủ và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh công ty cổ phần số 4103010027 ngày 17 tháng 4 năm 2008. Tại ngày này, Tổng Công ty dưới hình thức là công ty cổ phần mới thành lập đã nhận bàn giao toàn bộ tài sản và nợ phải trả từ Tổng Công ty Nhà nước.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh số

Ngày

0300583659 – Lần thứ nhất

Ngày 29 tháng 2 năm 2012

0300583659 – Lần thứ hai

Ngày 7 tháng 6 năm 2012

0300583659 – Lần thứ ba

Ngày 28 tháng 11 năm 2012

0300583659 – Lần thứ tư

Ngày 29 tháng 1 năm 2016

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát và các sản phẩm liên quan, bao gồm nguyên vật liệu và bao bì.

Trụ sở chính

Số 6, Đường Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Văn phòng đại diện

Văn phòng đại diện tại Hà Nội
Tầng 6, số 97, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chi nhánh

Nhà máy Bia Sài Gòn - Củ Chi
Khu C1, Đường D3, Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Thị trấn Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nhà máy Bia Sài Gòn - Nguyễn Chí Thanh
Số 187, Đường Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Thanh Hà	Chủ tịch
Ông Bùi Ngọc Hạnh	Thành viên
Ông Lê Hồng Xanh	Thành viên
Ông Nguyễn Bích Đạt	Thành viên
Ông Vũ Quang Hải	Thành viên

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đồng Việt Trung	Trưởng ban
Ông Chung Trí Dũng	Thành viên
Ông Hoàng Giang Bình	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Thanh Hà	Tổng Giám đốc	Từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 11 tháng 8 năm 2016
Ông Lê Hồng Xanh	Phụ trách Ban Điều hành SABECO	Từ ngày 12 tháng 8 năm 2016
Ông Vũ Quang Hải	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Minh An	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Thành Nam	Phó Tổng Giám đốc Giám đốc Nhà máy Bia Sài Gòn - Củ Chi	
Ông Lâm Du An	Giám đốc Nhà máy Bia Sài Gòn - Nguyễn Chí Thanh	Từ ngày 15 tháng 6 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Võ Thanh Hà.

Ông Lê Hồng Xanh được Ông Võ Thanh Hà ủy quyền để ký báo cáo tài chính kèm theo theo Giấy Ủy quyền ký ngày 12 tháng 8 năm 2016.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là Công ty kiểm toán cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Tổng Công ty lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Tổng Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Lê Hồng Xanh
Phụ trách Ban Điều hành SABECO

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2016



**Building a better
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61285332/18758078-LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”) được trình bày từ trang 6 đến trang 61 bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



**Building a better
working world**

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Tổng Công ty là công ty mẹ có các công ty con và Tổng Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 31 tháng 3 năm 2016. Đồng thời, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng được doanh nghiệp kiểm toán này soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đó vào ngày 31 tháng 8 năm 2015.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		11.572.306.058.613	9.383.641.131.768
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	8.357.255.412.585	6.406.079.584.088
111	1. Tiền		167.255.412.585	82.079.584.088
112	2. Các khoản tương đương tiền		8.190.000.000.000	6.324.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		1.165.000.000.000	690.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	16.1	1.165.000.000.000	690.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.700.944.840.586	1.763.255.912.175
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.013.527.915.697	988.597.454.381
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	64.298.303.841	13.832.516.365
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	649.406.012.029	784.501.266.979
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(40.787.786.892)	(38.175.721.461)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý	8	14.500.395.911	14.500.395.911
140	IV. Hàng tồn kho		335.359.140.696	386.350.197.611
141	1. Hàng tồn kho	10	358.066.029.603	409.057.086.518
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	10	(22.706.888.907)	(22.706.888.907)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		13.746.664.746	137.955.437.894
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	7.386.040.200	32.803.355.806
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	6.360.624.546	105.152.082.088

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		6.558.576.462.375	6.689.130.355.291
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		341.607.675.565	339.428.155.565
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn		9.900.000.000	9.900.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	349.607.675.565	347.428.155.565
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	9	(17.900.000.000)	(17.900.000.000)
220	II. Tài sản cố định		2.132.586.305.341	2.228.191.166.903
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	1.240.398.979.360	1.331.775.518.648
222	Nguyên giá		3.347.381.973.036	3.313.299.047.889
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.106.982.993.676)	(1.981.523.529.241)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	892.187.325.981	896.415.648.255
228	Nguyên giá		982.135.013.361	982.135.013.361
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(89.947.687.380)	(85.719.365.106)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	4.944.437.376	5.140.919.628
231	1. Nguyên giá		7.859.289.977	7.859.289.977
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(2.914.852.601)	(2.718.370.349)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		21.767.825.810	36.622.166.610
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	21.767.825.810	36.622.166.610
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	16.2	3.586.477.419.867	3.600.674.051.647
251	1. Đầu tư vào công ty con		2.281.120.889.126	2.281.120.889.126
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		1.003.725.395.720	1.000.725.395.720
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		791.276.618.246	803.276.618.246
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(510.514.363.130)	(505.317.731.350)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		20.868.879.905	20.868.879.905
260	VI. Tài sản dài hạn khác		471.192.798.416	479.073.894.938
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	70.415.135.194	70.407.613.258
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.3	388.800.317.833	408.666.281.680
263	3. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	10	11.977.345.389	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		18.130.882.520.988	16.072.771.487.059

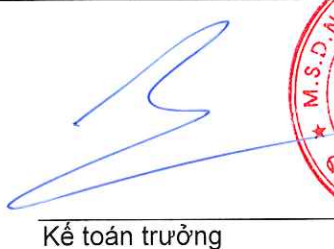
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		6.182.321.566.182	4.093.137.566.586
310	I. Nợ ngắn hạn		6.076.448.596.759	3.986.254.809.043
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	951.346.338.585	779.822.160.468
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		287.778.496	249.882.896
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	580.952.611.872	278.498.185.678
314	4. Phải trả người lao động		27.629.442.748	55.923.336.369
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	179.391.767.476	149.310.913.032
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	2.517.624.586.527	831.772.077.450
321	7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	21	1.699.022.672.604	1.699.022.672.604
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	22	120.193.398.451	191.655.580.546
330	II. Nợ dài hạn		105.872.969.423	106.882.757.543
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	51.602.316.000	51.602.316.000
343	2. Quỹ phát triển khoa học công nghệ		54.270.653.423	55.280.441.543
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		11.948.560.954.806	11.979.633.920.473
410	I. Vốn chủ sở hữu	23.1	11.948.560.954.806	11.979.633.920.473
411	1. Vốn cổ phần		6.412.811.860.000	6.412.811.860.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		6.412.811.860.000	6.412.811.860.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		760.819.802.040	760.819.802.040
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.774.929.292.766	4.806.002.258.433
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		2.803.361.252.974	1.898.274.548.242
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		1.971.568.039.792	2.907.727.710.191
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		18.130.882.520.988	16.072.771.487.059



Người lập
Đỗ Thị Thanh Loan



Kế toán trưởng
Nguyễn Tiến Dũng





Phụ trách Ban Điều hành
SABECO
Lê Hồng Xanh

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng	24.1	14.322.928.649.855	3.880.750.178.977
11	2. Giá vốn hàng bán	25	(12.250.842.292.505)	(3.466.966.442.700)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng		2.072.086.357.350	413.783.736.277
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	678.543.709.163	1.829.297.833.650
22	5. Chi phí tài chính	26	(5.491.696.724)	83.482.288.612
25	6. Chi phí bán hàng	27	(256.551.627.128)	(247.377.969.508)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(114.905.155.709)	(236.388.379.647)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.373.681.586.952	1.842.797.509.384
31	9. Thu nhập khác	28	15.738.186.668	61.911.823.693
32	10. Chi phí khác	28	(12.032.335.591)	(4.437.712.846)
40	11. Lợi nhuận khác	28	3.705.851.077	57.474.110.847
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.377.387.438.029	1.900.271.620.231
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.2	(385.953.434.390)	(80.509.566.045)
52	14. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	30.3	(19.865.963.847)	30.529.056.492
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.971.568.039.792	1.850.291.110.678

Người lập

Đỗ Thị Thanh Loan

Kế toán trưởng

Nguyễn Tiến Dũng

Phụ trách Ban Điều hành

SABECO
Lê Hồng Xanh

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.377.387.438.029	1.900.271.620.231
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	12, 13, 14	129.921.558.961	126.701.527.747
03	Các khoản dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		7.808.697.212	(75.433.310.661)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản tiền tệ có gốc ngoại tệ		26.737.476	8.225.144
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(678.363.996.474)	(1.884.604.994.617)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.836.780.435.204	66.943.067.844
09	Giảm các khoản phải thu		55.773.859.270	164.825.672.415
10	Giảm hàng tồn kho		39.013.711.526	54.904.929.389
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		21.016.567.638	(200.588.998.265)
12	Giảm chi phí trả trước		25.409.793.670	13.473.244.129
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	30.2	(63.171.007.426)	(56.871.460.867)
16	Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh		-	10.800.000.000
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(49.837.816.016)	(64.091.386.391)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		1.864.985.543.866	(10.604.931.746)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(59.630.352.893)	(84.731.719.442)
23	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		(575.000.000.000)	(40.000.000.000)
24	Tiền thu hồi từ trái phiếu		100.000.000.000	172.100.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(3.000.000.000)	(92.026.720.800)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		11.998.900.000	16.320.000.000
27	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia		813.868.496.550	1.756.163.009.325
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		288.237.043.657	1.727.824.569.083
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Chia cổ tức		(202.020.021.550)	(218.841.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(202.020.021.550)	(218.841.000)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		1.951.202.565.973	1.717.000.796.337
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		6.406.079.584.088	4.960.953.298.690
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(26.737.476)	(8.225.144)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	8.357.255.412.585	6.677.945.869.883



Người lập
Đỗ Thị Thanh Loan



Kế toán trưởng
Nguyễn Tiến Dũng



Phụ trách Ban Điều hành
SABECO
Lê Hồng Xanh

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”) được thành lập dưới hình thức Tổng Công ty Nhà nước theo Quyết định số 74/2003/QĐ-BCN do Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) ban hành ngày 6 tháng 5 năm 2003 trên cơ sở tổ chức lại Công ty Bia Sài Gòn và chuyển các đơn vị: Công ty Rượu Bình Tây, Công ty Nước Giải khát Chương Dương và Công ty Thủy tinh Phú Thọ thành các đơn vị thành viên của Tổng Công ty. Vào ngày 11 tháng 5 năm 2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 37/2004/QĐ-BCN tái cơ cấu lại Tổng Công ty theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Hoạt động của Tổng Công ty được cấp phép theo Giấy phép kinh doanh số 4106000286 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 9 năm 2006.

Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1862/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng chính phủ và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh công ty cổ phần số 4103010027 vào ngày 17 tháng 4 năm 2008. Tại ngày này, Tổng Công ty dưới hình thức là công ty cổ phần mới thành lập đã nhận bàn giao toàn bộ tài sản và nợ phải trả từ Tổng Công ty Nhà nước.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh số: Ngày

0300583659 – Lần thứ nhất

Ngày 29 tháng 2 năm 2012

0300583659 – Lần thứ hai

Ngày 7 tháng 6 năm 2012

0300583659 – Lần thứ ba

Ngày 28 tháng 11 năm 2012

0300583659 – Lần thứ tư

Ngày 29 tháng 1 năm 2016

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát và các sản phẩm liên quan, bao gồm nguyên vật liệu và bao bì.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 6 đường Hai Bà Trưng, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 808 người (ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 818 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Tổng Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 16.2. Tổng Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Tổng Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam ("CMKTVN") khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Tổng Công ty là Nhật ký Chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

2.6 Thông tin so sánh

Các thông tin và số liệu kế toán giữa các kỳ kế toán được trình bày mang tính so sánh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tổng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa | - Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá, ngoại trừ các tài sản đã được đánh giá lại trong quá trình cổ phần hóa của Tổng Công ty Nhà nước theo Quyết định số 1862/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ, trừ đi khấu hao lũy kế. Giá trị đánh giá lại được phản ánh vào khoản vốn góp nhận được.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hay lỗ phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 *Tài sản cố định vô hình*

Trong quá trình cổ phần hóa của Tổng Công ty Nhà nước, tài sản cố định vô hình đã được đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 và tại ngày 30 tháng 4 năm 2008.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hay lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận chuyển	3 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm vi tính	3 năm

Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá trị đã được đánh giá lại trong quá trình cổ phần hóa của Tổng Công ty Nhà nước theo Quyết định số 1862/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và không khấu hao.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn quy định trong các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	20 năm
------------------------	--------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào liên doanh

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên doanh sau ngày Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế, ngoại trừ một số khoản đầu tư được đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 và tại ngày 30 tháng 4 năm 2008 cho mục đích cổ phần hóa theo Biên bản Quyết toán Cổ phần hóa ngày 6 tháng 3 năm 2010.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 và dựa trên nguyên tắc thận trọng của kế toán theo CMKTVN Số 1 “Chuẩn mực chung”. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh sẽ được hạch toán vào chi phí trong kỳ và được giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Tổng Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các khoản dự phòng

Tổng Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tổng Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khi Tổng Công ty cho rằng một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại, ví dụ như thông qua hợp đồng bảo hiểm, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản riêng biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản dự phòng (tiếp theo)

Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của một khoản dự phòng cần được chiết khấu về giá trị hiện tại sử dụng tỷ lệ chiết khấu là tỷ lệ trước thuế và phản ánh rõ những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khi giá trị của khoản dự phòng được chiết khấu, phần tăng lên theo thời gian của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Theo hướng dẫn tại Công văn số 7228/BTC-TCDN do Bộ tài chính ban hành ngày 7 tháng 6 năm 2010, trợ cấp thôi việc chi trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi thực tế phát sinh.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế của Tổng Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

▶ Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.

▶ Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 *Phân phối lợi nhuận* (tiếp theo)

- ▶ *Quỹ phát triển khoa học và công nghệ*

Quỹ này được trích lập để đầu tư phát triển khoa học và công nghệ của Tổng Công ty.

- ▶ *Cổ tức*

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

3.15 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tổng Công ty được xác lập.

3.16 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Tiền mặt tại quỹ	551.487.963	58.081.504
Tiền gửi ngân hàng	166.703.924.622	82.021.502.584
Các khoản tương đương tiền (*)	8.190.000.000.000	6.324.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>8.357.255.412.585</u>	<u>6.406.079.584.088</u>

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng tại ngân hàng và hưởng lãi suất từ 5,5 – 6,2%/năm.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải thu từ các bên khác	56.473.529.933	60.494.100.367
- Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hương Sen	52.060.513.906	54.166.338.772
- Công ty Cổ phần Bia Nước giải khát Phú Yên	1.991.845.406	1.991.845.406
- Khác	2.421.170.621	4.335.916.189
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	957.054.385.764	928.103.354.014
TỔNG CỘNG	<u>1.013.527.915.697</u>	<u>988.597.454.381</u>

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Trả trước cho bên khác	57.700.620.972	9.480.602.299
- Công ty TNHH Cơ nhiệt Điện lạnh Bách Khoa	26.400.000.000	-
- Công ty TNHH Truyền thông An Thuận	6.860.604.069	-
- Khác	24.440.016.903	9.480.602.299
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 31)	6.597.682.869	4.351.914.066
TỔNG CỘNG	<u>64.298.303.841</u>	<u>13.832.516.365</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngắn hạn	649.406.012.029	784.501.266.979
Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	536.547.571.647	684.701.068.939
Lãi ngân hàng và lãi trái phiếu	54.868.079.118	41.522.143.924
Ký quỹ, ký cược	24.150.190.279	24.150.000.000
Tạm ứng cho nhân viên	10.731.611.471	5.337.010.621
Các khoản khác	23.108.559.514	28.791.043.495
Dài hạn	349.607.675.565	347.428.155.565
Phải thu khác từ bên liên quan (Thuyết minh số 31) (*)	328.073.502.218	328.073.502.218
Ký quỹ, ký cược	13.505.408.347	11.325.888.347
Phải thu về cổ phần hóa	28.765.000	28.765.000
Các khoản khác	8.000.000.000	8.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>999.013.687.594</u>	<u>1.131.929.422.544</u>

(*) Khoản phải thu từ Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh, một công ty con của Tổng Công ty, liên quan tới dự án Nhà máy Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh do Tổng Công ty xây dựng và đã chuyển cho công ty này sử dụng từ năm 2013.

8. TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải thu thuế thu nhập cá nhân	6.830.212.392	6.830.212.392
Khác	7.670.183.519	7.670.183.519
TỔNG CỘNG	<u>14.500.395.911</u>	<u>14.500.395.911</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngắn hạn	40.787.786.892	38.175.721.461
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác	23.343.732.586	20.731.667.155
Dự phòng tài sản thiếu chờ xử lý	14.500.395.911	14.500.395.911
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.679.761.250	2.679.761.250
Dự phòng ứng trước cho người bán	141.522.563	141.522.563
Dự phòng tạm ứng cho nhân viên	122.374.582	122.374.582
Dài hạn	17.900.000.000	17.900.000.000
Dự phòng phải thu về cho vay dài hạn	9.900.000.000	9.900.000.000
Dự phòng phải thu dài hạn khác	8.000.000.000	8.000.000.000
TỔNG CỘNG	58.687.786.892	56.075.721.461

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi chủ yếu là các khoản công nợ phát sinh trước thời điểm cổ phần hóa 2008.

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu khó đòi:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Số đầu kỳ	56.075.721.461	36.260.009.695
Dự phòng tăng trong kỳ	3.521.558.334	17.900.000.000
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(909.492.903)	-
Số cuối kỳ	58.687.786.892	54.160.009.695

10. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Nguyên liệu, vật liệu	161.759.848.623	(22.706.888.907)	160.033.209.392	(22.706.888.907)
Công cụ, dụng cụ	2.109.832.021	-	7.736.315.927	-
Thành phẩm	16.758.260.325	-	6.556.973.651	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	75.302.937.042	-	99.680.270.049	-
Hàng đang đi trên đường	102.135.151.592	-	135.050.317.499	-
TỔNG CỘNG	358.066.029.603	(22.706.888.907)	409.057.086.518	(22.706.888.907)
Dài hạn				
Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế	11.977.345.389	-	-	-
TỔNG CỘNG	11.977.345.389	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngắn hạn	7.386.040.200	32.803.355.806
Vật phẩm quảng cáo	4.090.531.200	32.803.355.806
Khác	3.295.509.000	-
Dài hạn	70.415.135.194	70.407.613.258
Tài sản chờ mang đi đầu tư (i)	51.602.316.000	51.602.316.000
Bao bì, chai kết (ii)	18.711.919.194	18.545.397.258
Khác	100.900.000	259.900.000
TỔNG CỘNG	<u>77.801.175.394</u>	<u>103.210.969.064</u>

- (i) Tài sản chờ góp vốn đầu tư phản ánh giá trị quyền sử dụng đất chờ bàn giao để góp vốn đầu tư vào công ty khác.
- (ii) Bao bì sử dụng nhiều lần bao gồm chai kết. Nguyên giá của bao bì sử dụng nhiều lần được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

Chi tiết tăng (giảm) chi phí trả trước dài hạn:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Số đầu kỳ	70.407.613.258	227.820.274.815
Tăng trong kỳ	15.494.642.275	23.842.581.032
Phân bổ trong kỳ	(15.487.120.339)	(48.055.628.177)
Số cuối kỳ	<u>70.415.135.194</u>	<u>203.607.227.670</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Trang thiết bị văn phòng	VND
Nguyên giá					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	544.104.092.527	2.658.888.511.853	44.969.905.247	65.336.538.262	3.313.299.047.889
Mua mới trong kỳ	3.967.618	4.421.759.891	4.770.373.656	3.323.443.000	12.519.544.165
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản đỡ dang (<i>Thuyết minh số 15</i>)	15.614.495.132	6.183.624.622	-	376.073.321	22.174.193.075
Thanh lý trong kỳ	-	-	-	(37.290.000)	(37.290.000)
Giảm khác	(304.137.468)	(269.384.625)	-	-	(573.522.093)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	559.418.417.809	2.669.224.511.741	49.740.278.903	68.998.764.583	3.347.381.973.036
Giá trị hao mòn lũy kế					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	268.259.199.774	1.637.357.571.184	32.237.102.576	43.669.655.707	1.981.523.529.241
Khấu hao trong kỳ	21.638.426.077	97.345.764.129	1.823.274.771	4.689.289.458	125.496.754.435
Thanh lý trong kỳ	-	-	-	(37.290.000)	(37.290.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	289.897.625.851	1.734.703.335.313	34.060.377.347	48.321.655.165	2.106.982.993.676
Giá trị còn lại					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	275.844.892.753	1.021.530.940.669	12.732.802.671	21.666.882.555	1.331.775.518.648
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	269.520.791.958	934.521.176.428	15.679.901.556	20.677.109.418	1.240.398.979.360

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 618.511.702.677 VND (31 tháng 12 năm 2015: 575.011.719.616 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>929.359.796.575</u>	<u>52.775.216.786</u>	<u>982.135.013.361</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	42.878.790.309	42.840.574.797	85.719.365.106
Hao mòn trong kỳ	<u>2.312.851.923</u>	<u>1.915.470.351</u>	<u>4.228.322.274</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>45.191.642.232</u>	<u>44.756.045.148</u>	<u>89.947.687.380</u>
Giá trị còn lại			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>886.481.006.266</u>	<u>9.934.641.989</u>	<u>896.415.648.255</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>884.168.154.343</u>	<u>8.019.171.638</u>	<u>892.187.325.981</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.680.174.845 VND (31 tháng 12 năm 2015: 40.665.306.532 VND).

Quyền sử dụng đất chủ yếu bao gồm giá trị quyền sử dụng đất theo giá tạm tính tăng thêm vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 và Biên bản công tác quyết toán cổ phần hóa của Tổng Công ty do Ban Quyết toán cổ phần hóa gồm các đại diện từ Bộ Công Thương và Bộ Tài Chính thực hiện tại thời điểm ngày 30 tháng 4 năm 2008 và được lập vào ngày 6 tháng 3 năm 2010. Với số tiền đối ứng là phải trả ngắn hạn khác với số tiền là 735.379.872.700 VND (*Thuyết minh số 20*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (tiếp theo)

Chi tiết giá trị các quyền sử dụng đất này được trình bày như sau:

<i>Số thứ tự</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Diện tích (m²)</i>	<i>Mục đích sử dụng</i>	<i>Tình trạng pháp lý</i>	<i>Giá trị định giá khi xác định giá trị doanh nghiệp (VND)</i>
1	46 Bến Vân Đồn, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	3.872,5	Đất sản xuất kinh doanh	Giấy chứng nhận tạm thời. Không được tự ý chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê lại, góp vốn, thế chấp quyền sử dụng đất.	55.241.212.500
2	187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	17.406,1	Đất sản xuất kinh doanh	Giấy chứng nhận tạm thời. Không được tự ý chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê lại, góp vốn, thế chấp quyền sử dụng đất.	418.634.111.100
3	474 Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	7.729,0	Đất sản xuất kinh doanh	Giấy chứng nhận tạm thời. Không được tự ý chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê lại, góp vốn, thế chấp quyền sử dụng đất.	247.637.160.000
4	18/3B Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	2.216,3	Đất sản xuất kinh doanh	Giấy chứng nhận tạm thời. Không được tự ý chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê lại, góp vốn, thế chấp quyền sử dụng đất.	13.867.389.100
TỔNG CỘNG					<u>735.379.872.700</u>

Tổng Công ty không trích khấu hao giá trị của các quyền sử dụng đất này do thời gian sử dụng và phân bổ chi phí tương ứng chưa được xác định chắc chắn tại ngày 30 tháng 6 năm 2016. Tuy nhiên, Tổng Công ty đã trích nộp chi phí sử dụng các quyền sử dụng đất nêu trên trong kỳ với số tiền là 10.138.114.500 VND (cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 6.964.228.536 VND) theo thông báo nộp thuế sử dụng đất của các chi cục thuế địa phương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	VND
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>
Nguyên giá	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	7.859.289.977
và ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>7.859.289.977</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	2.718.370.349
Khấu hao trong kỳ	196.482.252
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>2.914.852.601</u>
Giá trị còn lại	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	5.140.919.628
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>4.944.437.376</u>

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Dự án phát triển hệ thống quản lý	5.963.865.268	5.370.106.742
Cải tạo văn phòng làm việc tại lầu 5	4.207.930.646	3.419.840.909
Tổng công ty	2.480.159.078	2.480.159.078
Trung tâm hội nghị và nhà hàng tiệc cưới tại Nha Trang	1.312.425.265	1.195.387.265
Cải tạo nhà xưởng, đầu tư thiết bị nấu tại Nhà máy Nguyễn Chí Thanh	-	5.437.389.428
Cải tạo văn phòng làm việc và kiểm soát chất lượng tại Tổng Công ty	-	10.161.505.404
Mở rộng văn phòng tại Nhà máy Củ Chi	7.803.445.553	8.557.777.784
Khác	<u>21.767.825.810</u>	<u>36.622.166.610</u>

Chi tiết tăng (giảm) chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Số đầu kỳ	36.622.166.610	51.487.342.330
Mua mới trong kỳ	9.598.878.428	47.890.623.711
Kết chuyển sang tài sản cố định (Thuyết minh số 12)	(22.174.193.075)	(18.526.080.093)
Giảm khác	(2.279.026.153)	-
Số cuối kỳ	<u>21.767.825.810</u>	<u>80.851.885.948</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

16.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngắn hạn	1.165.000.000.000	690.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	1.015.000.000.000	440.000.000.000
Trái phiếu tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	150.000.000.000	250.000.000.000
Dài hạn	-	-
Trái phiếu – Tập đoàn kinh tế Vinashin	20.868.879.905	20.868.879.905
Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	<u>(20.868.879.905)</u>	<u>(20.868.879.905)</u>
ĐẦU TƯ THUẦN	<u>1.165.000.000.000</u>	<u>690.000.000.000</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn thể hiện khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn trên 3 tháng, dưới 1 năm và có lãi suất từ 6,2 – 7,2%/năm.

16.2 Đầu tư tài chính dài hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Đầu tư vào các công ty con (Thuyết minh số 16.2.1)	2.281.120.889.126	2.281.120.889.126
Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh (Thuyết minh số 16.2.2)	1.003.725.395.720	1.000.725.395.720
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 16.2.3)	<u>791.276.618.246</u>	<u>803.276.618.246</u>
TỔNG CỘNG	4.076.122.903.092	4.085.122.903.092
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	<u>(489.645.483.225)</u>	<u>(484.448.851.445)</u>
ĐẦU TƯ THUẦN	<u>3.586.477.419.867</u>	<u>3.600.674.051.647</u>
Trong đó:		
Đầu tư vào các công ty con	2.236.921.965.240	2.262.012.093.894
Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh	987.812.652.971	974.594.763.042
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	361.742.801.656	364.067.194.711

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

16.2 Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

16.2.1 Đầu tư vào các công ty con

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con được trình bày như sau:

Tên công ty	Hoạt động chính	Ngày 30 tháng 6 năm 2016			Ngày 31 tháng 12 năm 2015		
		% sở hữu	Giá trị VND	Dự phòng	% sở hữu	Giá trị VND	Dự phòng
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	100	700.000.000.000	-	100	700.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	Sản xuất và kinh doanh bia và nước giải khát, xuất nhập khẩu các nguyên vật liệu liên quan	69	314.250.000.000	-	69	314.250.000.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	Sản xuất và kinh doanh bia	67	299.548.230.160	-	67	299.548.230.160	-
Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương	Sản xuất và kinh doanh nước giải khát, đồ hộp và phụ liệu, đầu tư bất động sản	62	236.167.400.000	(25.707.400.000)	62	236.167.400.000	-
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát	92	208.414.271.535	-	92	208.414.271.535	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	Sản xuất và kinh doanh bia	100	120.000.000.000	-	100	120.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	Sản xuất và kinh doanh bia	51	100.424.933.209	-	51	100.424.933.209	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh bia và nước giải khát, xuất nhập khẩu các nguyên vật liệu liên quan	52	93.800.000.000	-	52	93.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	Sản xuất và kinh doanh nước giải khát, đồ hộp và phụ liệu	55	76.324.868.844	-	55	76.324.868.844	-

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

16.2 Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

16.2.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con được trình bày như sau (tiếp theo):

Tên công ty	Hoạt động chính	Ngày 30 tháng 6 năm 2016			Ngày 31 tháng 12 năm 2015		
		% sở hữu	Giá trị VND	Dự phòng	% sở hữu	Giá trị VND	Dự phòng
Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Bia Sài Gòn	Chế tạo máy móc dùng cho sản xuất thực phẩm, lắp đặt và bảo trì hệ thống máy móc thiết bị	100	59.365.663.690	-	100	59.365.663.690	-
Công ty Cổ phần Bao Bi Bia Sài Gòn	Sản xuất đồ hộp, thùng giấy bằng nhựa và kim loại	77	55.174.824.506	(18.491.523.886)	77	55.174.824.506	(19.108.795.232)
Công ty Cổ phần Bia Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	Sản xuất bia và nước giải khát có ga, kinh doanh vận chuyển	51	17.650.697.182	-	51	17.650.697.182	-
TỔNG CỘNG			2.281.120.889.126	(44.198.923.886)		2.281.120.889.126	(19.108.795.232)

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

16.2 Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

16.2.2 Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh như sau:

Tên công ty	Hoạt động chính	Ngày 30 tháng 6 năm 2016			Ngày 31 tháng 12 năm 2015		
		% sở hữu	Giá trị VND	Dự phòng	% sở hữu	Giá trị VND	Dự phòng
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam	Xây dựng và vận hành nhà máy thủy điện	20	189.507.130.000	-	20	189.507.130.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Sabeco Pearl	Xây dựng và kinh doanh bất động sản	26	147.333.420.000	(408.437.417)	26	147.333.420.000	(184.114.698)
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	Sản xuất lon nhôm	30	113.224.326.586	-	30	113.224.326.586	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, cồn, nước giải khát và phụ tùng thay thế	32	103.174.711.495	-	32	103.174.711.495	-
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	Sản xuất các sản phẩm thủy tinh	30	86.338.395.824	-	30	86.338.395.824	(10.033.593.742)
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Tân Thành	Xây dựng và kinh doanh bất động sản	29	72.500.000.000	(2.585.757.204)	29	72.500.000.000	(2.270.711.672)
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Lý	Sản xuất bia, nước khoáng, dịch vụ khách sạn và kinh doanh vận chuyển	30	53.379.495.085	-	30	53.379.495.085	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Thọ	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	27	33.787.500.000	-	27	33.787.500.000	-
Công ty TNHH Rượu và Cồn Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh rượu và các sản phẩm nước uống có cồn	45	31.632.170.530	(11.062.949.498)	45	31.632.170.530	(11.700.936.331)
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Vĩnh Long	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	20	30.000.000.000	-	20	30.000.000.000	-

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

16.2 Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

16.2.2 Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh như sau (tiếp theo):

Tên công ty	Hoạt động chính	Ngày 30 tháng 6 năm 2016			Ngày 31 tháng 12 năm 2015		
		% sở hữu	Giá trị VND	Dự phòng	% sở hữu	Giá trị VND	Dự phòng
Công ty TNHH Bao bì Sanmiguel Phú Thọ	Sản xuất và bán các sản phẩm bao bì đóng gói bằng kim loại	35	26.212.239.000	-	35	26.212.239.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Khánh Hòa	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	26	26.000.000.000	-	26	26.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Kiên Giang (*)	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, cồn, nước giải khát và phụ tùng thay thế	20	23.000.000.000	-	20	20.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Ninh Thuận	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	20	19.800.000.000	-	20	19.800.000.000	-
Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh	Cho thuê và quản lý cao ốc văn phòng	25	4.311.007.200	-	25	4.311.007.200	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương thực Thực phẩm Sabeco	Sản xuất sản phẩm nông nghiệp, thực phẩm	20	4.725.000.000	(1.855.598.630)	20	4.725.000.000	(1.941.276.235)
TỔNG CỘNG			1.003.725.395.720	(15.912.742.749)		1.000.725.395.720	(26.130.632.678)

(*) Vào ngày 21 tháng 6 năm 2016, Tổng Công ty tiếp tục góp vốn vào Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Kiên Giang 3.000.000.000 VND theo Nghị Quyết 22A/2016/NQ-HĐQT thông qua việc góp vốn tăng vốn điều lệ ngày 23 tháng 5 năm 2016.

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

16.2 Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

16.2.3 Đầu tư vào đơn vị khác

Chi tiết các khoản đầu tư vào đơn vị khác như sau:

Tên công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2016			Ngày 31 tháng 12 năm 2015		
	% sở hữu	Giá trị VND	Dự phòng	% sở hữu	Giá trị VND	Dự phòng
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông	3,10	216.579.320.000	(158.864.894.000)	2,96	216.579.320.000	(158.864.894.000)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	0,95	136.265.460.000	(111.494.813.782)	0,95	136.265.460.000	(120.015.196.582)
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bình Tây	13,26	53.249.742.406	-	13,26	53.249.742.406	-
Công ty PVI Sài Gòn	0,22	51.475.140.000	(39.143.084.400)	0,21	51.475.140.000	(39.143.084.400)
Quỹ đầu tư Chứng khoán Sài Gòn A2	10,00	51.107.720.722	(33.731.120.722)	10,00	51.107.720.722	(36.230.900.722)
Quỹ đầu tư Việt Nam	7,12	50.977.214.481	(22.250.855.150)	7,12	62.977.214.481	(18.638.703.340)
Công ty Cổ phần Bao bì Sabeco Sóng Lam	15,33	46.000.000.000	-	15,76	46.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt	7,20	45.000.000.000	(38.610.000.000)	7,20	45.000.000.000	(38.430.000.000)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	0,47	36.603.803.243	-	0,46	36.603.803.243	-
Công ty Du lịch Dầu khí Phương Đông	9,8	30.700.950.000	(20.557.950.000)	9,8	30.700.950.000	(23.056.950.000)
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	16,72	26.588.267.394	-	16,71	26.588.267.394	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Không Gian Ngâm	5,29	23.085.000.000	(1.438.416.928)	5,29	23.085.000.000	(1.438.416.928)
Công ty Cổ phần Bia Nước giải khát Sài Gòn – Tây Đô	16,30	19.690.000.000	-	16,30	19.690.000.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Đồng Nai	10,38	3.954.000.000	(3.442.681.608)	10,38	3.954.000.000	(3.391.277.563)
TỔNG CỘNG		791.276.618.246	(429.533.816.590)		803.276.618.246	(439.209.423.535)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải trả cho bên khác	436.084.723.498	452.665.812.918
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka	69.800.510.674	73.535.489.306
- Công ty TNHH Asia Packaging Industries (Việt Nam)	57.540.474.900	39.678.226.247
- Công ty TNHH Thương Mại & Vận tải Thái Tân	48.379.451.157	50.836.994.154
- Khác	260.364.286.767	288.615.103.211
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	515.261.615.087	327.156.347.550
TỔNG CỘNG	<u>951.346.338.585</u>	<u>779.822.160.468</u>

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	31 tháng 12 năm 2015	Phải nộp trong kỳ	Đã nộp trong kỳ	30 tháng 6 năm 2016
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 30.2)	(105.086.929.674)	386.802.157.740	(63.171.007.426)	218.544.220.640
Thuế tiêu thụ đặc biệt	247.385.212.546	1.598.183.445.971	(1.556.152.293.325)	289.416.365.192
Thuế giá trị gia tăng	24.517.067.050	426.587.675.274	(379.713.350.068)	71.391.392.256
Thuế đất	1.581.049.815	85.825.436.665	(85.825.436.665)	1.581.049.815
Thuế thu nhập cá nhân	3.787.251.687	16.772.896.678	(26.855.620.497)	(6.295.472.132)
Thuế tài nguyên	6.982.600	56.669.840	(54.796.880)	8.855.560
Thuế nhập khẩu	-	13.748.982.816	(13.748.982.816)	-
Phí, lệ phí	1.220.621.980	102.771.415	(1.312.664.986)	10.728.409
Thuế khác	(65.152.414)	107.774.870	(107.774.870)	(65.152.414)
TỔNG CỘNG	<u>173.346.103.590</u>	<u>2.528.187.811.269</u>	<u>(2.126.941.927.533)</u>	<u>574.591.987.326</u>
Trong đó:				
Thuế trả trước	(105.152.082.088)			(6.360.624.546)
Thuế phải nộp	278.498.185.678			580.952.611.872

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi	159.941.172.998	134.831.924.055
Chi phí phải trả mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	10.105.837.845	12.608.325.482
Chi phí sử dụng vỏ chai	8.539.500.000	-
Chi phí khác	805.256.633	1.870.663.495
TỔNG CỘNG	179.391.767.476	149.310.913.032

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngắn hạn	2.517.624.586.527	831.772.077.450
Cổ tức phải trả	1.731.966.096.375	10.297.038.425
Phải trả Nhà nước cho phần đánh giá quyền sử dụng đất khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (Thuyết minh số 13)	735.379.872.700	735.379.872.700
Quỹ công tác xã hội	25.931.720.322	39.844.571.972
Tạm ứng từ việc thanh lý giải thể Quỹ đầu tư Chứng khoán Sài Gòn A2 (*)	15.350.000.000	15.350.000.000
Tài sản thừa chờ xử lý	379.565.962	22.182.179.328
Kinh phí công đoàn	203.493.390	383.808.618
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.413.837.778	8.334.606.407
Dài hạn	51.602.316.000	51.602.316.000
Tiền thuê đất (**)	51.602.316.000	51.602.316.000
TỔNG CỘNG	2.569.226.902.527	883.374.393.450
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	3.475.310.658	3.475.310.658
<i>Bên khác</i>	2.565.751.591.869	879.899.082.792

(*) Quỹ đầu tư Chứng khoán Sài Gòn A2 (SFA2) đang trong quá trình giải thể. Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội Thành viên Thường niên 2011 ngày 16 tháng 12 năm 2011 của SFA2 và Biên bản họp Ban đại diện Quỹ SFA2 số 01/2012/SFA2-BĐĐQ ngày 19 tháng 4 năm 2013, Quỹ SFA2 đã chuyển trả 15.350.000.000 VND từ việc thanh lý tài sản của Quỹ này cho Tổng Công ty. Khoản tiền này sẽ được quyết toán và ghi nhận giảm giá trị đầu tư khi quỹ này chính thức giải thể.

(**) Phải trả khác dài hạn thể hiện khoản tiền thuê đất phải trả cho Nhà nước. Lô đất này đang được chờ bàn giao để góp vốn vào công ty khác (Thuyết minh số 11)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Theo thông báo của Kiểm toán Nhà nước (“KTNN”) số 119/TB-KTNN ngày 4 tháng 2 năm 2015 về kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm 2013 và Kết luận Thanh tra số 18234/BTC-Ttr ngày 8 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính về thông tin tài chính năm 2014 và 9 tháng đầu năm 2015, ngoài Tổng Công ty, các công ty con trong hệ thống sản xuất Bia Sài Gòn cũng phải nộp bổ sung thuế TTĐB vào NSNN.

Ngoài ra, trong năm 2015, Tổng Cục thuế trực thuộc Bộ Tài Chính cũng thực hiện thanh tra tình hình tài chính một số công ty liên kết trong hệ thống sản xuất Bia Sài Gòn và đưa ra kết luận rằng các đơn vị này cũng phải nộp bổ sung thuế TTĐB vào NSNN cho các năm 2013, năm 2014 và năm 2015. Trong tháng 12 năm 2015 và tháng 1 năm 2016, Tổng Công ty đã gửi công văn lên Bộ Công Thương để xin ý kiến về hướng xử lý nghĩa vụ thuế TTĐB trong nội bộ các công ty thuộc hệ thống sản xuất Bia Sài Gòn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày phát hành báo cáo riêng này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chưa nhận được quyết định chính thức liệu rằng trách nhiệm nộp bổ sung các khoản thuế này sẽ do Tổng Công ty hay các đơn vị chịu. Trong quá trình chờ quyết định, để đảm bảo nguyên tắc thận trọng trong việc soạn lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc đã lập dự phòng cho khoản thuế TTĐB bổ sung của năm 2013, năm 2014 và năm 2015 cho các công ty con và công ty liên kết trong hệ thống sản xuất Bia Sài Gòn.

22. QUỸ KHEN THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Vào ngày 1 tháng 1	191.655.580.546	156.872.580.232
Trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	33.473.172.748
Điều chỉnh trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông	-	(55.045.472.073)
Sử dụng quỹ	(71.462.182.095)	(62.467.986.391)
Vào ngày 30 tháng 6	<u>120.193.398.451</u>	<u>72.832.294.516</u>

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
				VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015:				
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2015	6.412.811.860.000	763.087.959.573	3.461.325.148.384	10.637.224.967.957
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	1.850.291.110.678	1.850.291.110.678
Chia cổ tức	-	-	(1.603.205.465.000)	(1.603.205.465.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(33.473.172.748)	(33.473.172.748)
Điều chỉnh giảm quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	55.045.472.073	55.045.472.073
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi cho các công ty con	-	-	(28.046.379.325)	(28.046.379.325)
Trích lập quỹ công tác xã hội	-	-	(1.079.000.000)	(1.079.000.000)
Điều chỉnh giảm quỹ đầu tư phát triển	-	(2.268.157.533)	2.268.157.533	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	6.412.811.860.000	760.819.802.040	3.703.125.871.595	10.876.757.533.635

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016:

Vào ngày 1 tháng 1 năm 2016	6.412.811.860.000	760.819.802.040	4.806.002.258.433	11.979.633.920.473
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	1.971.568.039.792	1.971.568.039.792
Chia cổ tức	-	-	(1.923.846.558.000)	(1.923.846.558.000)
Giảm khác (*)	-	-	(76.532.447.459)	(76.532.447.459)
Trích lập quỹ công tác xã hội	-	-	(2.262.000.000)	(2.262.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	6.412.811.860.000	760.819.802.040	4.774.929.292.766	11.948.560.954.806

(*) Khoản giảm khác này chủ yếu là chi phí thuế đất nộp bổ sung vào Ngân sách Nhà nước các năm trước theo thông báo cập nhật lại đơn giá thuế đất của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh, bao gồm khu đất số 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh (từ năm 1996 đến năm 2015), khu đất số 474 Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh (từ năm 1996 đến năm 2015) và khu đất số 2-4-6 Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (từ năm 2006 đến ngày 29 tháng 6 năm 2015).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.2 Vốn cổ phần

Vào ngày 17 tháng 4 năm 2008, Tổng Công ty thực hiện cổ phần hóa và phát hành 641.281.186 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND. Nhà nước bán ra công chứng 66.762.052 cổ phiếu vào ngày này.

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Tất cả các cổ phiếu có cùng các quyền, kể cả về quyền biểu quyết, hưởng cổ tức, hoàn vốn, v.v.

Các cổ đông của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 gồm:

	30 tháng 6 năm 2016			31 tháng 12 năm 2015		
	Tổng mệnh giá VND	Số cổ phiếu phổ thông	Tỷ lệ sở hữu	Tổng mệnh giá VND	Số cổ phiếu phổ thông	Tỷ lệ sở hữu
Bộ Công thương	5.745.191.340.000	574.519.134	89,59%	5.745.191.340.000	574.519.134	89,59%
Các cổ đông khác	667.620.520.000	66.762.052	10,41%	667.620.520.000	66.762.052	10,41%
TỔNG CỘNG	6.412.811.860.000	641.281.186		6.412.811.860.000	641.281.186	

23.3 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 (cổ phiếu)	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (cổ phiếu)
Cổ phiếu được phép phát hành	641.281.186	641.281.186
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	641.281.186 641.281.186	641.281.186 641.281.186
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	641.281.186 641.281.186	641.281.186 641.281.186

23.4 Cổ tức

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Số đầu kỳ/năm	10.297.038.425	9.496.108.845
Cổ tức phải trả trong năm (Thuyết minh số 23.1)	1.923.846.558.000	1.603.205.465.000
Cổ tức đã chi trả bằng tiền	(202.177.500.050)	(1.602.404.535.420)
Số cuối kỳ/năm	<u>1.731.966.096.375</u>	<u>10.297.038.425</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu thuần về bán hàng

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Doanh thu bán thành phẩm	11.682.071.681.482	1.638.477.179.037
Doanh thu bán nguyên vật liệu	2.621.537.656.641	2.210.037.628.114
Doanh thu khác	19.319.311.732	32.235.371.826
	<u>14.322.928.649.855</u>	<u>3.880.750.178.977</u>
DOANH THU THUẦN		
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên liên quan</i>	14.109.039.070.682	3.692.271.854.491
<i>Các bên khác</i>	213.889.579.173	188.478.324.486

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Cổ tức, lợi nhuận được chia	448.825.639.936	1.657.363.058.120
Lãi tiền gửi ngân hàng	217.637.595.772	158.972.737.295
Lãi đầu tư trái phiếu	11.863.470.766	12.962.500.002
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	217.002.689	(461.767)
	<u>678.543.709.163</u>	<u>1.829.297.833.650</u>
TỔNG CỘNG		

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Giá vốn thành phẩm	9.661.771.830.767	1.222.144.118.825
Giá vốn nguyên vật liệu	2.587.127.565.096	2.232.110.504.386
Giá vốn khác	1.942.896.642	12.711.819.489
	<u>12.250.842.292.505</u>	<u>3.466.966.442.700</u>
TỔNG CỘNG		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái	295.064.943	(48.977.951)
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	<u>5.196.631.781</u>	<u>(83.433.310.661)</u>
TỔNG CỘNG	<u>5.491.696.724</u>	<u>(83.482.288.612)</u>

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí bán hàng	256.551.627.128	247.377.969.508
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi	243.482.664.040	238.837.890.827
Chi phí sử dụng vỏ chai	8.539.500.000	-
Chi phí nhân công	3.276.266.964	3.998.786.837
Chi phí dịch vụ mua ngoài	196.150.637	163.372.176
Chi phí khác	1.057.045.487	4.377.919.668
Chi phí quản lý doanh nghiệp	114.905.155.709	236.388.379.647
Chi phí nhân công	36.418.601.166	34.343.415.763
Chi phí hội họp, khánh tiết	22.631.167.203	19.446.580.325
Chi phí thuê ngoài	17.573.161.908	15.138.937.845
Chi phí khấu hao và hao mòn	7.383.887.247	4.441.884.610
Công tác phí	7.145.660.105	18.008.690.754
Chi phí nguyên vật liệu	3.642.993.062	3.867.006.620
Dự phòng thuế tiêu thụ đặc biệt	-	138.768.438.600
Lợi thế thương mại	-	22.389.013.806
Chi phí thuê đất	-	7.685.604.289
Chi phí khác	16.588.126.684	19.954.413.050
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	<u>3.521.558.334</u>	<u>(47.655.606.015)</u>
TỔNG CỘNG	<u>371.456.782.837</u>	<u>483.766.349.155</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Thu nhập khác	15.738.186.668	61.911.823.693
Chuyển nhượng dự án Nhà máy Bia Sài Gòn – Kiên Giang	9.688.882.754	-
Cho thuê máy móc, thiết bị	3.682.821.192	-
Bán phế liệu	906.970.841	1.620.586.772
Tiền bồi thường hợp đồng	222.376.797	86.180.738
Thu nhập từ hoạt động hỗ trợ thị trường	-	4.213.905.332
Các khoản khác (*)	1.237.135.084	55.991.150.851
Chi phí khác	(12.032.335.591)	(4.437.712.846)
Chi phí dự án Nhà máy Bia Sài Gòn – Kiên Giang	(9.688.882.754)	-
Các khoản khác	(2.343.452.837)	(4.437.712.846)
LỢI NHUẬN KHÁC	<u>3.705.851.077</u>	<u>57.474.110.847</u>

(*) Trong năm 2015, khoản này chủ yếu bao gồm khoản lợi thế thương mại phát sinh trong quá trình đầu tư góp vốn thành lập công ty liên kết với số tiền 55.306.699.200 VND.

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.487.306.215.905	3.124.340.371.972
Chi phí hàng hóa	8.419.077.768.516	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	370.068.300.481	362.892.344.967
Chi phí khấu hao và hao mòn	128.925.033.140	123.914.992.400
Chi phí nhân công	131.266.045.501	135.970.128.926
Dự phòng thuế tiêu thụ đặc biệt	-	138.768.438.600
Chi phí khác	74.792.379.390	110.011.686.852
TỔNG CỘNG	<u>12.611.435.742.933</u>	<u>3.995.897.963.717</u>

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Trong năm 2016, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất 20% thu nhập chịu thuế (2015: 22%).

Báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	385.953.434.390	80.509.566.045
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	19.865.963.847	(30.529.056.492)
TỔNG CỘNG	405.819.398.237	49.980.509.553

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Tổng Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Tổng Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và thu nhập chịu thuế:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.377.387.438.029	1.900.271.620.231
Các điều chỉnh:		
Chi phí trích trước	87.352.853.401	-
Các chi phí không được khấu trừ	4.439.259.785	4.060.235.456
Dự phòng các khoản phải thu	3.521.558.334	-
Dự phòng các khoản đầu tư tài chính	2.387.050.095	-
Chi phí khấu hao đất không sử dụng	1.877.390.156	1.262.982.790
Dự phòng thuế thuế TTĐB	-	138.768.438.600
Cổ tức nhận được	(448.825.639.936)	(1.657.363.058.120)
Tiền thuê đất nộp bổ sung từ năm 1996 đến năm 2015	(75.683.724.109)	-
Hoàn nhập lợi thế thương mại	(22.689.013.806)	-
Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành	1.929.767.171.949	387.000.218.957
Thuế TNDN ước tính kỳ hiện hành	385.953.434.390	85.140.048.171
Thuế TNDN được ưu đãi và miễn giảm của Nhà máy Bia Sài Gòn – Củ Chi	-	(4.630.482.126)
Chi phí thuế TNDN ước tính phải nộp	385.953.434.390	80.509.566.045
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	848.723.350	-
Thuế TNDN (trả trước) phải nộp đầu kỳ	(105.086.929.674)	56.300.086.475
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(63.171.007.426)	(56.871.460.867)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ (Thuyết minh số 18)	218.544.220.640	79.938.191.653

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.3 Thuế TNDN hoãn lại

Tổng Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cùng với các biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

	<i>Bảng cân đối</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	
	<i>kế toán riêng giữa niên độ</i>		<i>riêng giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6</i>	<i>Ngày 31 tháng 12</i>	<i>Cho kỳ kế toán</i>	<i>Cho kỳ kế toán</i>
	<i>năm 2016</i>	<i>năm 2015</i>	<i>sáu tháng kết thúc</i>	<i>sáu tháng kết thúc</i>
			<i>ngày 30 tháng 6</i>	<i>ngày 30 tháng 6</i>
			<i>năm 2016</i>	<i>năm 2015</i>
Dự phòng thuế TTĐB	339.804.534.497	373.784.987.949	(33.980.453.452)	30.529.056.492
Chi phí trích trước	17.470.570.680	-	17.470.570.680	-
Lợi thế thương mại	16.358.610.120	20.896.412.881	(4.537.802.761)	-
Dự phòng các khoản đầu tư tài chính	12.862.290.869	12.384.880.850	477.410.019	-
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.304.311.667	1.600.000.000	704.311.667	-
TỔNG CỘNG	388.800.317.833	408.666.281.680	(19.865.963.847)	30.529.056.492

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Tổng Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư/nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một Nhóm Công ty.

Các giao dịch trọng yếu của Tổng Công ty với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	Công ty con	Doanh thu bán thành phẩm Doanh thu bán nguyên vật liệu Lợi nhuận được chia Mua nguyên vật liệu Phí sử dụng vỏ chai	11.682.037.861.733 326.080.032 123.356.245.508 22.197.304.680 8.539.500.000	1.631.133.264.017 915.169.976 1.427.899.383.414 20.137.339.600 10.053.256.925	
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam	Công ty con	Doanh thu bán nguyên vật liệu Thu nhập từ cổ tức Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	234.733.402.987 - 589.150.446.147	223.319.961.525 15.475.000.000 -	
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh	Công ty con	Doanh thu bán nguyên vật liệu Lợi nhuận được chia Doanh thu khác Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	218.812.390.709 33.717.928.446 777.057.894 543.936.388.400	197.028.335.528 50.458.453.894 - -	
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi	Công ty con	Doanh thu bán nguyên vật liệu Thu nhập từ cổ tức Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	254.058.412.224 35.940.000.000 818.868.314.140	163.072.448.560 26.955.000.000 -	
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội	Công ty con	Doanh thu bán nguyên vật liệu Thu nhập từ cổ tức Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	114.425.747.263 14.070.000.000 478.847.625.360	96.125.684.610 4.690.000.000 -	
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây	Công ty con	Doanh thu bán nguyên vật liệu Thu nhập từ cổ tức Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	59.379.167.089 22.185.000.000 322.474.161.870	65.981.293.974 18.487.500.000 -	

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Tổng Công ty với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
				VND
Công ty Cổ phần Bia Rượu Sài Gòn – Đồng Xuân	Công ty con	Doanh thu bán nguyên vật liệu Thu nhập từ cổ tức Doanh thu khác	38.192.494.161 3.074.100.000 188.752.800	37.049.515.444 6.148.200.000 -
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh	Công ty con	Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	113.448.490.450	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh	Công ty con	Doanh thu bán nguyên vật liệu Thu nhập từ cổ tức	24.006.665.241 1.149.400.000	22.233.856.164 6.896.400.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sabeco	Công ty con	Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	136.984.721.700	-
Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương	Công ty con	Lợi nhuận được chia Mua dịch vụ bảo trì	4.830.372.475 22.940.068.541	2.988.906.812 22.363.698.555
Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn	Công ty con	Thu nhập từ cổ tức	7.892.250.000	8.418.400.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Ninh Thuận	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu	32.531.216.600	34.475.800.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Phủ Lý	Công ty liên kết	Doanh thu bán nguyên vật liệu Thu nhập từ cổ tức Mua nguyên vật liệu	207.140.859.414 1.980.000.000 498.053.433.517	195.518.352.226 5.940.000.000 352.466.725
		Doanh thu bán nguyên vật liệu Thu nhập từ cổ tức Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	187.687.800.281 4.892.300.000 462.077.452.550	151.814.495.903 7.338.450.000 -

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Tổng Công ty với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Vinh Long	Công ty liên kết	Doanh thu bán nguyên vật liệu Doanh thu cung cấp dịch vụ Thu nhập từ cổ tức Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	115.815.873.159 1.600.858.098 3.000.000.000 452.963.328.350	138.265.256.109 1.600.858.101 3.000.000.000 -
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Thọ	Công ty liên kết	Doanh thu bán nguyên vật liệu Thu nhập từ cổ tức Mua khác Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	140.249.277.833 8.446.875.000 390.000.000 366.286.038.706	139.930.437.210 6.757.500.000 390.000.000 -
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Kiên Giang	Công ty liên kết	Doanh thu bán nguyên vật liệu Thu nhập từ cổ tức Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	58.846.545.320 5.000.000.000 312.189.859.940	23.576.729.998 - -
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam	Công ty liên kết	Thu nhập từ cổ tức	30.321.140.800	28.426.069.500
Công ty TNHH Bao bì Sanmiguel Phú Thọ	Công ty liên doanh	Thu nhập từ cổ tức Mua bao bì	3.893.750.000 79.989.088.000	3.820.250.000 89.949.130.400
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	Công ty liên doanh	Mua nguyên vật liệu Thu nhập từ cổ tức	639.094.275.582 64.947.951.667	570.882.646.288 -
Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh	Công ty liên doanh	Thu nhập từ cổ tức	23.198.045.240	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Sabeco Pearl	Công ty liên kết	Góp vốn bằng tiền Góp vốn bằng giá trị lợi thế thương mại	- -	92.026.720.800 55.306.699.200

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Tổng Công ty với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
				VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn – Sóc Trăng	Bên liên quan	Doanh thu bán nguyên vật liệu Mua nguyên vật liệu	177.940.514.209 463.510.864.520	100.780.270.559 761.877.500
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn – Nam Trung Bộ	Bên liên quan	Doanh thu khác	198.000.000	198.000.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bình Tây	Bên liên quan	Doanh thu bán nguyên vật liệu Thu nhập từ cổ tức Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	306.863.685.312 7.500.000.000 1.097.658.265.340	243.273.056.096 15.000.000.000 -
Công ty Cổ phần Bia Nước giải khát Sài Gòn – Tây Đô	Bên liên quan	Doanh thu bán nguyên vật liệu Thu nhập từ cổ tức Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	136.646.110.666 2.542.500.000 424.179.033.056	113.089.169.655 4.237.500.000 -
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung	Bên liên quan	Doanh thu bán nguyên vật liệu Mua hàng hóa, nguyên vật liệu Thu nhập từ cổ tức	97.767.745.680 561.870.133.630 15.387.780.800	92.339.386.189 - 14.426.044.500
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu	Bên liên quan	Doanh thu bán nguyên vật liệu Doanh thu khác Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	54.029.541.569 1.083.152.400 327.830.263.200	56.825.170.748 1.083.152.400 -

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán riêng giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>				
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	Công ty con	Bán bia thành phẩm	410.755.493.205	67.639.867.079
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam	Công ty con	Bán nguyên vật liệu	102.442.421.256	205.811.133.912
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bình Tây	Bên liên quan	Bán nguyên vật liệu	54.477.477.304	86.058.826.137
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh	Công ty con	Bán nguyên vật liệu	52.738.339.302	50.218.227.308
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn – Sóc Trăng	Bên liên quan	Bán nguyên vật liệu	51.462.832.555	69.569.051.811
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Ninh Thuận	Công ty liên kết	Bán nguyên vật liệu	40.964.580.869	36.099.328.735
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Lý	Công ty liên kết	Bán nguyên vật liệu	39.748.391.588	48.292.173.492
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Tây Đô	Bên liên quan	Bán nguyên vật liệu	31.984.249.549	36.426.634.983
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội	Công ty con	Bán nguyên vật liệu	28.502.577.455	24.737.622.234

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán riêng giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (tiếp theo)				
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Thọ	Công ty liên kết	Bán nguyên vật liệu	27.458.195.343	45.347.678.473
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung	Công ty liên kết	Bán nguyên vật liệu	22.689.994.055	24.817.855.437
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi	Công ty con	Bán nguyên vật liệu	21.847.921.739	57.797.989.285
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Vĩnh Long	Công ty liên kết	Bán nguyên vật liệu	18.746.532.022	35.836.310.064
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây	Công ty con	Bán nguyên vật liệu	16.379.361.047	25.196.585.130
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu	Bên liên quan	Bán nguyên vật liệu	12.962.008.013	34.162.698.070
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Kiên Giang	Công ty liên kết	Bán nguyên vật liệu	12.261.160.707	35.119.545.066
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh	Công ty con	Bán nguyên vật liệu	11.280.642.212	15.595.027.188

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán riêng giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
				VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (tiếp theo)				
Công ty Cổ phần Bia Rượu Sài Gòn – Đồng Xuân	Công ty con	Bán nguyên vật liệu	351.518.921	29.376.799.610
Công ty Cổ phần Vận Tải và Giao Nhận Bia Sài Gòn	Bên liên quan	Bán nguyên vật liệu	688.622	-
			957.054.385.764	928.103.354.014

Trả trước cho người bán ngắn hạn

Công ty Cổ phần Thương Mại Bia Sài Gòn – Trung Tâm	Bên liên quan	Tạm ứng mua hàng	2.265.459.175	543.480.400
Công ty Cổ phần Thương Mại Bia Sài Gòn – Nam Trung Bộ	Bên liên quan	Tạm ứng chương trình khuyến mãi	1.501.430.800	1.501.430.800
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	Công ty con	Tạm ứng mua hàng	688.874.383	4.272.916
Công ty cổ phần Bia Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	Công ty con	Tạm ứng mua hàng	537.900.000	-
Công ty Cổ phần Thương Mại Bia Sài Gòn – Miền Bắc	Bên liên quan	Tạm ứng mua hàng	420.265.983	420.265.983
Công ty Cổ phần Thương Mại Bia Sài Gòn – Miền Đông	Bên liên quan	Tạm ứng chương trình khuyến mãi	420.000.000	1.616.800.600

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán riêng giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
VND				
Trả trước cho người bán ngắn hạn (tiếp theo)				
Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương	Công ty con	Tạm ứng mua hàng	290.466.000	-
Công ty Cổ phần Bao Bì Kho bãi Bình Tây	Bên liên quan	Khác	252.720.400	252.720.400
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	Công ty con	Mua nguyên vật liệu	218.906.928	-
Công ty Cổ phần Vận Tải và Giao Nhận Bia Sài Gòn	Bên liên quan	Khác	1.659.200	-
Công ty Cổ phần Thương Mại Bia Sài Gòn – Đồng Bắc	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	-	12.942.967
			6.597.682.869	4.351.914.066

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán riêng giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>VND</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>					
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại Tân Thành	Công ty liên kết	Phải thu từ góp vốn bằng QSDĐ	277.230.733.543	277.230.733.543	
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Bia Sài Gòn	Công ty con	Lợi nhuận phải thu	109.579.635.849	362.563.062.260	
Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi	Công ty con	Cổ tức phải thu	35.940.000.000	-	
Công ty Cổ phần thủy điện Miền Nam	Công ty liên kết	Cổ tức phải thu	30.321.140.800	-	
Công Ty Cổ Phần Bao Bì Sabeco Sông Lam	Bên liên quan	Cổ tức phải thu	22.300.000.000	-	
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây	Công ty con	Cổ tức phải thu Khác	14.790.000.000 345.816.682	345.816.682	
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	Công ty con	Cổ tức phải thu Lãi cho vay	12.686.800.000 1.719.895.479	12.686.800.000 1.719.895.479	
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Kiên Giang	Công ty liên kết	Phải thu do chuyển nhượng dự án Nhà máy Bia Sài Gòn – Kiên Giang	10.657.771.029	10.077.488.953	

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán riêng giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	VND
Phải thu ngắn hạn khác (tiếp theo)					
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sabeco	Công ty con	Lợi nhuận phải thu Khác	5.023.288.837 7.401.822	192.916.362 7.401.822	
Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương	Công ty con	Cổ tức phải thu Khác	3.156.900.000 866.840.000	- 739.400.000	
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh	Công ty con	Lợi nhuận phải thu	5.646.189.606	6.538.565.838	
Công ty Cổ phần Bia Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	Công ty con	Cổ tức phải thu	3.074.100.000	-	
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh	Công ty con	Cổ tức phải thu	1.149.400.000	-	
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Ninh Thuận	Công ty liên kết	Cổ tức phải thu	1.980.000.000	2.970.000.000	
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Khánh Hòa	Công ty liên kết	Khác	41.958.000	11.988.000	
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn – Nam Trung Bộ	Bên liên quan	Khác	29.700.000	29.700.000	
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Lý	Công ty liên kết	Cổ tức phải thu	-	4.892.300.000	

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán riêng giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	VND
Phải thu ngắn hạn khác (tiếp theo)					
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Vĩnh Long	Công ty liên kết	Cổ tức phải thu	-	3.000.000.000	
Công ty Cổ phần Bia – Nước Giải khát Sài Gòn – Tây Đô	Bên liên quan	Cổ tức phải thu	-	1.695.000.000	
			536.547.571.647	684.701.068.939	
Phải thu dài hạn khác					
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh	Công ty con	Bàn giao dự án Nhà máy Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh	328.073.502.218	328.073.502.218	
Phải trả người bán ngắn hạn					
Công Ty Cổ phần Bao Bì Sabeco Sông Lam	Bên liên quan	Mua hàng hóa	152.090.984.635	145.324.656.170	
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	Công ty liên doanh	Mua bao bì	149.959.179.755	136.093.910.040	
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bình Tây	Bên liên quan	Mua hàng hóa	46.374.290.974	-	
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Ninh Thuận	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	19.511.800.000	-	

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán riêng giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
				VND
Phải trả người bán ngắn hạn (tiếp theo)				
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội	Công ty con	Mua hàng hóa	19.426.641.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Lý	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	18.054.388.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Thọ	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	15.811.935.040	-
Công ty TNHH Bao bì Sanmiguel Phú Thọ	Công ty liên doanh	Mua bao bì	14.971.924.000	14.831.850.000
Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam	Công ty con	Mua hàng hóa	13.570.029.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung	Bên liên quan	Mua hàng hóa	12.634.277.000	-
Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh	Công ty con	Mua hàng hóa	8.171.247.700	-
Công ty Cổ phần bia Sài Gòn – Vĩnh Long	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	7.101.721.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	Bên liên quan	Mua hàng hóa	6.828.272.000	-

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán riêng giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
				VND
Phải trả người bán ngắn hạn (tiếp theo)				
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí Sabeco	Công ty con	Mua dịch vụ bảo trì	5.849.282.310	3.688.210.472
Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn	Công ty con	Mua bao bì	5.796.743.480	10.277.132.250
Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây	Công ty con	Mua hàng hóa	4.330.338.100	-
Công ty TNHH Một thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	Công ty con	Mua hàng hóa	4.144.465.600	-
Công ty Cổ phần Thương Mại Bia Sài Gòn – Sông Tiền	Bên liên quan	Mua hàng hóa	2.469.914.518	3.331.214.518
Công ty Cổ phần Bia Nước giải khát Sài Gòn – Tây Đô	Bên liên quan	Mua hàng hóa	2.337.526.000	148.680.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Kiên Giang	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	2.156.299.000	-
Công ty Cổ phần Thương Mại Bia Sài Gòn – Miền Trung	Công ty con	Mua hàng hóa	1.072.562.864	1.199.800.364
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu	Bên liên quan	Mua hàng hóa	886.352.500	-

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán riêng giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>VND</i>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn (tiếp theo)</i>					
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi	Công ty con	Mua hàng hóa	605.264.000	-	
Công ty Cổ phần Thương Mại Bia Sài Gòn – Miền Bắc	Bên liên quan	Mua hàng hóa	527.316.494	527.316.494	
Công ty Cổ phần Thương Mại Bia Sài Gòn – Sông Hậu	Bên liên quan	Mua hàng hóa	416.400.000	416.400.000	
Công ty Cổ phần Thương Mại Bia Sài Gòn – Bắc Trung Bộ	Bên liên quan	Mua hàng hóa	79.563.616	5.464.375.176	
Công ty Cổ phần Thương Mại Bia Sài Gòn – Tây Nguyên	Bên liên quan	Mua hàng hóa	35.800.000	681.775.000	
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn – Đông Bắc	Bên liên quan	Mua hàng hóa	25.597.417	-	
Công ty Cổ phần Bia Rượu Sài Gòn – Đồng Xuân	Công ty con	Mua hàng hóa	21.499.084	6.015.480	
Công ty Cổ phần Thương Mại Bia Sài Gòn – Trung Tâm	Bên liên quan	Mua hàng hóa	-	161.331.234	
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	Công ty con	Mua hàng hóa	-	5.003.680.352	
			515.261.615.087	327.156.347.550	

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán riêng giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	VND
Phải trả ngắn hạn khác					
Công ty Cổ phần Thương Mại Bia Sài Gòn – Miền Bắc	Bên liên quan	Chi phí quảng cáo, khuyến mãi được trả hộ	1.522.160.540	1.522.160.540	
Công ty Cổ phần Thương Mại Bia Sài Gòn – Sông Tiền	Bên liên quan	Chi phí quảng cáo, khuyến mãi được trả hộ	739.328.874	739.328.874	
Công ty Cổ phần Thương Mại Bia Sài Gòn – Bắc Trung Bộ	Bên liên quan	Chi phí quảng cáo, khuyến mãi được trả hộ	437.717.745	437.717.745	
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bình Tây	Bên liên quan	Khác	287.780.949	287.780.949	
Công ty Cổ phần Thương Mại Bia Sài Gòn – Sông Hậu	Bên liên quan	Khác	106.561.973	106.561.973	
Công ty Cổ phần Vận Tải và Giao Nhận Bia Sài Gòn	Bên liên quan	Khác	195.251.930	195.251.930	
Công ty Cổ phần Thương Mại Bia Sài Gòn – Nam Trung Bộ	Bên liên quan	Khác	82.229.450	82.229.450	
Công ty Cổ phần Thương Mại Bia Sài Gòn – Miền Đông	Bên liên quan	Khác	52.063.478	52.063.478	

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sau tháng kết thúc cùng ngày

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán riêng giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
VND				
Phải trả ngắn hạn khác (tiếp theo)				
Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh	Công ty liên doanh	Khác	39.282.868	39.282.868
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn – Sóc Trăng	Công ty con	Khác	12.932.851	12.932.851
			3.475.310.658	3.475.310.658

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong kỳ như sau:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Lương và các khoản khác	<u>2.918.410.584</u>	<u>3.003.329.319</u>

32. CÁC CAM KẾT

Cam kết thực hiện công trình xây dựng

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tổng Công ty có khoản cam kết trị giá 70.443.335.200 VND (31 tháng 12 năm 2015: 42.346.199.113 VND) chủ yếu liên quan đến việc xây dựng nhà xưởng, máy móc và thiết bị.

Cam kết thuê hoạt động

Tổng Công ty hiện đang thuê văn phòng và thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Đến 1 năm	39.164.122.488	49.554.987.099
Trên 1 - 5 năm	45.092.085.227	10.050.897.714
Trên 5 năm	60.082.769.967	59.318.909.858
TỔNG CỘNG	<u>144.338.977.682</u>	<u>118.924.794.671</u>

33. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Đơn vị</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
<i>Ngoại tệ:</i>			
Đô la Mỹ (USD)	USD	111.763,72	115.299
Đồng Euro (EUR)	EUR	27.040,87	25.896
<i>Hàng hoá nhận giữ hộ</i>			
Nhấn	Cái	45.048.000	-
Nắp	Cái	12.000.000	11.520.000
Foil nhôm chai	Cái	9.320.000	5.348.748
Houblon viên	Kg	19.200	-
Maturex	Kg	2.880	-
Lon	Cái	-	10.971.180
Két nhựa	Cái	-	150.710

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

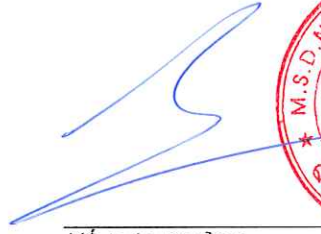
34. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Người lập

Đỗ Thị Thanh Loan



Kế toán trưởng

Nguyễn Tiến Dũng



Phụ trách Ban Điều hành

SABECO

Lê Hồng Xanh

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

